TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Trà Vinh, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc "Xin ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Thang Quang T, sinh ngày 05/7/1964, địa chỉ: Số A, Khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Trầm Thúy P, sinh ngày 05/10/1963, dịa chỉ: Số A, Khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Thang Quang T, sinh ngày 05/7/1964, CCCD số: 084064000552, địa chỉ: Số A, Khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và bà Trầm Thúy P, sinh ngày 05/10/1963, CCCD số: 084163000485, địa chỉ: Số A, Khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Thang Quang T và bị đơn bà Trầm Thúy P thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 03 người là Thang Bách H, sinh ngày 15/5/1989, Thang Châu P1, sinh ngày 12/12/2000 và Thang Bách K, sinh ngày 28/4/1993 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà P đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần án phí Hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, ông T phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, bà P phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng do ông ông T sinh năm 1964, bà P sinh năm 1963 là người trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại các Điều 12, 14 và 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và ông T, bà P có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình cho ông Thang Quang T và bà Trầm Thúy P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THA DS TPTV;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hs.

Bùi Thị Bích Chi